

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	31/12/2007
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		132.577.879.861	25.562.842.874
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	8.393.326.581	7.111.852.601
1. Tiền	111		1.893.326.581	7.111.852.601
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.500.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		102.000.000.000	18.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	102.000.000.000	18.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.522.894.617	116.956.817
1. Phải thu khách hàng	131		1.238.197.097	17.940.150
2. Trả trước cho người bán	132		813.104.137	7.350.000
3. Các khoản phải thu khác	135	6	7.471.593.383	91.666.667
IV. Hàng tồn kho	140	7	10.016.128.537	-
1. Hàng tồn kho	141		10.016.128.537	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.645.530.126	334.033.456
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		275.413.219	114.621.344
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		942.777.200	209.412.112
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	1.427.339.707	10.000.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+260)	200		2.743.041.036	1.868.305.827
I. Tài sản cố định	220		2.019.494.700	1.203.603.333
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.783.384.229	1.075.382.222
- Nguyên giá	222		2.118.397.685	1.126.093.598
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(335.013.456)	(50.711.376)
2. Tài sản cố định vô hình	227		110.605.412	128.221.111
- Nguyên giá	228		145.280.000	131.280.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(34.674.588)	(3.058.889)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		125.505.059	-
II. Tài sản dài hạn khác	260		723.546.336	664.702.494
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	523.255.288	520.346.038
2. Tài sản dài hạn khác	268		200.291.048	144.356.456
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		135.320.920.897	27.431.148.701

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 16 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	31/12/2007
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		15.788.601.312	310.217.508
I. Nợ ngắn hạn	310		15.765.519.471	307.103.193
1. Phải trả người bán	312		3.372.013.940	135.530.175
2. Người mua trả tiền trước	313		10.252.192.067	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	584.019.697	2.351.121
4. Phải trả người lao động	315		237.248.454	113.526.033
5. Chi phí phải trả	316		1.074.643.734	-
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		245.401.579	55.695.864
II. Nợ dài hạn	330		23.081.841	3.114.315
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		23.081.841	3.114.315
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		119.532.319.585	27.120.931.193
I. Vốn chủ sở hữu	410	12	119.532.319.585	27.120.931.193
1. Vốn điều lệ	411		116.000.000.000	28.133.400.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3.532.319.585	(1.012.468.807)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		135.320.920.897	27.431.148.701



Văn Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2009

Nguyễn Thị Thu Trang
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 16 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2008	Từ ngày 1/9/2007 đến 31/12/2007
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		5.266.474.856	30.873.027
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	13	5.266.474.856	30.873.027
4. Giá vốn hàng bán	11	14	5.059.254.919	28.765.227
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		207.219.937	2.107.800
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	15	11.793.811.279	150.223.129
7. Chi phí tài chính	22		1.373	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.373	-
8. Chi phí bán hàng	24		44.087.218	16.980.097
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.186.931.746	1.101.819.639
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		5.770.010.879	(966.468.807)
11. Thu nhập khác	31		27.334.447	-
12. Chi phí khác	32		1.366.722	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		25.967.725	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		5.795.978.604	(966.468.807)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	16	1.128.190.212	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		4.667.788.392	(966.468.807)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	17	451	(360)



Văn Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2009

Nguyễn Thị Thu Trang

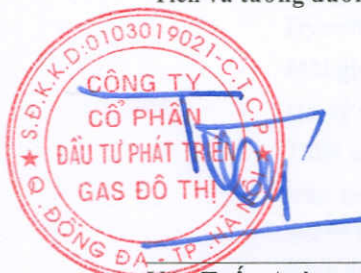
Nguyễn Thị Thu Trang
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 16 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2008	Từ ngày 1/9/2007 đến 31/12/2007
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	14.825.057.455	17.750.663
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(16.898.163.046)	(1.502.603.083)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(2.209.150.711)	(244.253.192)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(609.377.801)	-
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	970.510.805	384.000.916
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(1.619.782.961)	(670.035.841)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(5.540.906.259)	(2.015.140.537)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn	21	(1.457.071.734)	(1.064.963.324)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(232.000.000.000)	(18.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	148.000.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.410.670.727	58.556.462
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(81.046.401.007)	(19.006.406.862)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	87.866.600.000	28.133.400.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	87.866.600.000	28.133.400.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	1.279.292.734	7.111.852.601
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	7.111.852.601	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	2.181.246	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	8.393.326.581	7.111.852.601



Văn Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2009

Nguyễn Thị Thu Trang
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 16 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính